

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10%	10%	0%	0%	25%	0%	0%	0%	55%				
1	142251472	PHẠM THỊ BÉ	K14KMT	10	10			8.5				7.8	8.4	Tám phẩy Bốn		
2	142251473	PHAN ANH CHIẾN	K14KMT	7	8			8.5				8	8.0	Tám		
3	142251474	TRẦN ANH CƯỜNG	K14KMT	10	10			8.5				8.3	8.7	Tám phẩy Bảy		
4	142251475	CAO TÂN ĐẠT	K14KMT	10	8			8.5				5.7	7.1	Bảy phẩy Một		
5	142251477	NGUYỄN VIỆT ĐÔ	K14KMT	7	8			8.5				7	7.5	Bảy phẩy Năm		
6	142251480	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	K14KMT	9	10			8.5				8.6	8.8	Tám phẩy Tám		
7	142251481	TRẦN THỊ DIỆU HÀ	K14KMT	9	9			9				8.3	8.6	Tám phẩy Sáu		
8	142251482	TRƯƠNG THỊ HÀ	K14KMT	10	9			9				8.3	8.7	Tám phẩy Bảy		
9	142251485	NGUYỄN TIẾN HẢI	K14KMT	7	8			9				7.2	7.7	Bảy phẩy Bảy		
10	142251486	NGUYỄN CHÍ HIẾU	K14KMT	6	7			9				HP	0.0	Không	NỢ HP	
11	142251494	ĐÀO THỊ NGỌC HUÂN	K14KMT	9	8			9				7.3	8.0	Tám		
12	142251496	NGÔ TRÍ HÙNG	K14KMT	9	10			9				9.4	9.3	Chín phẩy Ba		
13	142251499	NGUYỄN THỊ LỆ HUYỀN	K14KMT	10	10			8.5				8.6	8.9	Tám phẩy Chín		
14	142251500	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	K14KMT	10	10			8.5				8.6	8.9	Tám phẩy Chín		
15	142251502	PHẠM NGỌC HUYỀN	K14KMT	9	10			8.5				8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
16	142251503	TRẦN KIÊN	K14KMT	0	0			0				8	4.4	Bốn phẩy Bốn		
17	142251504	NGÔ THỊ LIÊN	K14KMT	10	8			8.5				8.6	8.7	Tám phẩy Bảy		
18	142251510	TRẦN MẠNH LINH	K14KMT	7	8			8.5				8.4	8.2	Tám phẩy Hai		
19	142251514	TRẦN THỊ NGỌC LY	K14KMT	9	10			10				8.1	8.9	Tám phẩy Chín		
20	142251515	NGUYỄN THỊ SAO MAI	K14KMT	10	10			10				8.3	9.1	Chín phẩy Một		
21	142251526	TRẦN VÕ NGHĨA	K14KMT	10	10			10				8.1	9.0	Chín		
22	142251527	DƯƠNG THỊ TRANG NHẢ	K14KMT	10	10			10				8.1	9.0	Chín		
23	142251528	TRẦN CÔNG NHỚ	K14KMT	9	10			10				7.6	8.6	Tám phẩy Sáu		
24	142251530	BÙI MINH NHỰT	K14KMT	10	10			10				7.9	8.8	Tám phẩy Tám		
25	142251532	LÊ THỊ KIM OANH	K14KMT	9	10			8.5				7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
26	142251535	NGUYỄN THỊ HÒANG PHÚC	K14KMT	10	8			8.5				8.3	8.5	Tám phẩy Năm		
27	142251538	LÊ THỊ THANH PHƯƠNG	K14KMT	10	8			8.5				7.8	8.2	Tám phẩy Hai		
28	142251540	NGUYỄN HỨA PHƯƠNG	K14KMT	10	8			8.5				8.3	8.5	Tám phẩy Năm		
29	142251544	HUỖNH CÔNG RIN	K14KMT	7	9			8.5				7.9	8.1	Tám phẩy Một		
30	142251545	VÕ THỊ THANH SƯƠNG	K14KMT	10	9			8.5				8.3	8.6	Tám phẩy Sáu		
31	142251554	LÊ QUANG TUẤN THÀNH	K14KMT	10	8			8				8.3	8.4	Tám phẩy Bốn		
32	142251561	LÊ THÂN THƯƠNG	K14KMT	9	8			8				7.9	8.0	Tám		
33	142251565	NGUYỄN THỊ THÚY	K14KMT	10	9			8				7.6	8.1	Tám phẩy Một		
34	142251567	TRẦN THỊ THU THỦY	K14KMT	10	9			8				6.8	7.6	Bảy phẩy Sáu		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10%	10%	0%	0%	25%	0%	0%	0%	55%				
35	142251570	HUỖNH THỊ BÍCH	TRÂM	K14KMT	7	8			8				8.3	8.1	Tám phẩy Một	
36	142251572	TRƯỜNG THỊ	TRANG	K14KMT	10	9			8				8.6	8.6	Tám phẩy Sáu	
37	142251573	ĐOÀN MẠNH	TRIỀU	K14KMT	9	9			8				8.3	8.4	Tám phẩy Bốn	
38	142251576	NGUYỄN NGỌC	TRUNG	K14KMT	10	9			8				7.4	8.0	Tám	
39	142251578	TRẦN THỂ	TÚ	K14KMT	10	10			8				9.4	9.2	Chín phẩy Hai	
40	142251583	BÙI THỊ BÍCH	VÂN	K14KMT	10	9			8				7.7	8.1	Tám phẩy Một	
41	142251585	NGUYỄN NHẤT	VINH	K14KMT	10	10			8				7.7	8.2	Tám phẩy Hai	
42	142254652	TRẦN VĂN	ĐŨNG	K14KMT	10	10			8				8.1	8.5	Tám phẩy Năm	
43	142254654	NGUYỄN BẢO THANH	DUYÊN	K14KMT	10	9			7.5				8.1	8.2	Tám phẩy Hai	
44	142254657	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	K14KMT	10	8			7.5				8.1	8.1	Tám phẩy Một	
45	142254658	LƯU THỊ VÂN	KIỀU	K14KMT	9	9			7.5				8.1	8.1	Tám phẩy Một	
46	142254660	NGÔ THỊ QUẾ	MAI	K14KMT	9	10			7.5				7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
47	142254663	PHAN THỊ CẨM	NHÂN	K14KMT	9	10			7.5				8.1	8.2	Tám phẩy Hai	
48	142254668	PHAN THỊ DIỆU	QUYẾN	K14KMT	9	10			7.5				8.3	8.3	Tám phẩy Ba	
49	142254670	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	K14KMT	10	10			8				8.8	8.8	Tám phẩy Tám	
50	142254673	VÕ THANH	VI	K14KMT	9	9			8				8.1	8.3	Tám phẩy Ba	
51	142254674	HẠ NGỌC	VỖ	K14KMT	10	9			8				8.8	8.7	Tám phẩy Bảy	
52	142254676	NGUYỄN VŨ HỒNG	VY	K14KMT	10	9			8				8.4	8.5	Tám phẩy Năm	
53	142254868	PHẠM ĐỨC	ANH	K14KMT	9	10			8				8.3	8.5	Tám phẩy Năm	
54	142254869	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHI	K14KMT	10	9			8				7.9	8.2	Tám phẩy Hai	
55	142254870	HUỖNH NGHĨA	HIỆP	K14KMT	10	10			9				8.8	9.1	Chín phẩy Một	
56	142254871	ĐOÀN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	K14KMT	10	10			9				8.8	9.1	Chín phẩy Một	
57	142254915	NGUYỄN THỊ	HÀNG	K14KMT	9	9			9				8.7	8.8	Tám phẩy Tám	
58	142332217	ĐỒNG THỊ NGỌC	SINH	K14KMT	7	9			9				8.8	8.7	Tám phẩy Bảy	
59	142344700	TRẦN THỊ THẢO	LY	K14KMT	9	9			9				8.4	8.7	Tám phẩy Bảy	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	58	98%	
2	Số sinh viên nợ	1	2%	
TỔNG CỘNG :		59	100%	